

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2024/DS-ST
Ngày: 08-7-2024
“Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phụng.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Lê Phú Quý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2024/QĐXXST-DS, ngày 28/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2024/QĐST-DS ngày 20/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng T**;

Địa chỉ: **số D P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang**.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Trương Phước Đ** - Chuyên viên xử lý nợ khu vực - Phòng xử lý nợ thuộc **Ngân hàng TMCP T** là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền số 887C/QĐ-NHKL ngày 04/04/2024 (có mặt).

Địa chỉ liên lạc: **số C, L, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**.

2. Bị đơn: Ông **Trần Hữu P**, sinh năm 1971; Địa chỉ: **số B, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại khởi kiện ngày 26/02/2024 cũng như tại phiên tòa ông **Trương Phước Đ** đại diện theo ủy quyền nguyên đơn **Ngân hàng TMCP T** trình bày: **Ngân hàng TMCP T** có mở thẻ tín dụng hạn mức cho ông **Trần Hữu P** sử dụng theo Giấy

đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K** số 40060070000010/3031.6643 ngày 10/3/2020, cụ thể:

- Số tiền xin cấp (hạn mức thẻ tín dụng): 50.000.000 đồng.
- Loại thẻ: JCB Gold.
- Lãi suất vay: 21%/năm.
- Phương thức trả nợ và điều kiện áp dụng: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông **Trần Hữu P** đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 99.330.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ, ông **P** đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 81.030.000 đồng rồi ngưng đến nay.

Đến hiện tại thì ông **Trần Hữu P** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù **Ngân hàng thương mại cổ phần T** thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc để yêu cầu ông **Trần Hữu P** có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn, đồng thời **Ngân hàng thương mại cổ phần T** cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông **Trần Hữu P** trả nợ. Tuy nhiên, ông **Trần Hữu P** vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản đã quy định theo Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K** số 40060070000010/3031.6643 ngày 10/3/2020 đã ký. Tạm tính đến ngày 11/6/2024, ông **Trần Hữu P** có trách nhiệm phải thanh toán cho **Ngân hàng thương mại cổ phần T**, tổng số tiền là: 47.011.605 đồng (Bốn mươi bảy triệu không trăm mười một ngàn sáu trăm lẻ năm đồng), trong đó: Tiền dư nợ gốc: là 18.299.980 đồng, tiền lãi phát sinh là 12.658.261 đồng; phí phạt chậm trả là 16.053.364 đồng.

Về dư nợ gốc mà ông **Trần Hữu P** còn nợ lại là 18.299.980 đồng yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K** số 40060070000010/3031.6643 ngày 10/3/2020 quy định. Thời gian tính lãi kể từ ngày 12/6/2024 cho đến khi ông **Trần Hữu P** thanh toán dứt nợ cho **Ngân hàng thương mại cổ phần T**.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 12/4/2024 bị đơn **Trần Hữu P** trình bày: Ông **Trần Hữu P** thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của **Ngân hàng thương mại cổ phần T** như do bận công việc nên ông **P** xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ và tiến hành thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Riêng ông **Trần Hữu P** vắng mặt xét xử là chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần T**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: **Ngân hàng thương mại cổ phần T** khởi kiện yêu cầu ông **Trần Hữu P** trả số tiền vay theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K** nên xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông **Trần Hữu P** là bị đơn đang sinh sống tại **huyện L** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông **Trần Hữu P** được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **Trần Hữu P** theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K** số 40060070000010/3031.6643 ngày 10/3/2020 mà ông **Trần Hữu P** và **Ngân hàng thương mại cổ phần T** đã ký kết, cụ thể:

- Số tiền xin cấp (hạn mức thẻ tín dụng): 50.000.000 đồng.
- Loại thẻ: JCB Gold.
- Lãi suất vay: 21%/năm.
- Phương thức trả nợ và điều kiện áp dụng: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế.

Xét thấy, Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K** số 40060070000010/3031.6643 ngày 10/3/2020 giữa các bên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông **Trần Hữu P** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng TMCP T**, thực hiện không đúng nghĩa vụ theo nội dung đã thỏa thuận trong Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K** đã được các bên thỏa thuận, ký kết. Do đó, **Ngân hàng TMCP T** khởi kiện yêu cầu ông **Trần Hữu P** phải có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng TMCP T** tổng số tiền tạm tính đến ngày 11/6/2024 là

47.011.605 đồng (Bốn mươi bảy triệu không trăm mười một ngàn sáu trăm lẻ năm đồng), trong đó: Tiền dư nợ gốc: là 18.299.980 đồng, tiền lãi phát sinh là 12.658.261 đồng; phí phạt chậm trả là 16.053.364 đồng, về dư nợ gốc mà ông **Trần Hữu P** còn nợ lại là 18.299.980 đồng Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K** số 40060070000010/3031.6643 ngày 10/3/2020 quy định. Thời gian tính lãi kể từ ngày 12/6/2024 cho đến khi ông **Trần Hữu P** thanh toán dứt nợ cho **Ngân hàng thương mại cổ phần T** là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Vò tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp pháp luật với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông **Trần Hữu P** bị buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định.

Ngân hàng TMCP T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần T** đối với ông **Trần Hữu P**.

Buộc ông **Trần Hữu P** có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng thương mại cổ phần T** tiền dư nợ gốc là 18.299.980 đồng, tiền lãi phát sinh tính đến ngày 11/6/2024 là 12.658.261 đồng; phí phạt chậm trả tính đến ngày 11/6/2024 là 16.053.364 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 47.011.605 đồng (Bốn mươi bảy triệu không trăm mười một ngàn sáu trăm lẻ năm đồng).

Về dư nợ gốc mà ông **Trần Hữu P** còn nợ là 18.299.980 đồng được tiếp tục tính lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K** số 40060070000010/3031.6643 ngày 10/3/2020 quy định. Thời gian tính lãi kể từ ngày 12/6/2024 cho đến khi ông **Trần Hữu P** thanh toán dứt nợ cho **Ngân hàng thương mại cổ phần T**.

2. Về án phí: Buộc ông **Trần Hữu P** phải nộp 2.350.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần T không phải chịu án phí hoàn trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần T** 913.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003671 ngày 08/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Huỳnh Văn Nhựt Minh